

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

Số: 31 /NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Long An, ngày 02 tháng 7 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Về thông qua danh mục bổ sung các dự án cần thu hồi đất năm 2024
trên địa bàn tỉnh Long An**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 16**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 12/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất và Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 1401/TTr-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục bổ sung các dự án thu hồi đất trong năm 2024 trên địa bàn tỉnh Long An; Báo cáo thẩm tra số 663/BC-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua danh mục bổ sung các dự án cần thu hồi đất trong năm 2024 trên địa bàn tỉnh Long An, như sau:

1. Thông qua danh mục bổ sung các dự án cần thu hồi đất trong năm 2024 trên địa bàn tỉnh đối với **18 dự án** với tổng diện tích là **94,851 ha** (gồm: 15 dự án đầu tư công, dự kiến số tiền bố trí cho công tác bồi thường giải phóng mặt bằng là 428,98 tỷ đồng, trong đó: ngân sách tỉnh là 220 tỷ đồng, ngân sách huyện là 208,98 tỷ đồng và 03 dự án đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư).

(Chi tiết tại Phụ lục 1,3 kèm theo).

2. Điều chỉnh Phụ lục kèm theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh do thông tin của **03 dự án** (trong đó 02 dự án điện và 01 dự án tổ chức kinh tế) có thay đổi về tên dự án, diện tích thực hiện dự án.

(Chi tiết có Phụ lục 2 kèm theo).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá X, kỳ họp thứ 16 (kỳ họp lệ giữa năm 2024) thông qua ngày 02 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất thông qua./.

Nơi nhận:

- UB Thường vụ Quốc hội (b/c);
- Chính phủ (b/c);
- VP. Quốc hội, VP. CP (TP.HCM) (b/c);
- Ban Công tác đại biểu của UBTVQH (b/c);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Đại biểu QH đơn vị tỉnh Long An;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa X;
- UBND tỉnh; UBNDTTQ VN tỉnh;
- Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Các phòng thuộc VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trang Thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (đăng công báo);
- Lưu: VT, (TrT) (10)

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Được

DANH MỤC BỔ SUNG CÁC DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên chủ đầu tư	Dự án cần thu hồi đất	Diện tích quy hoạch (ha)	DT theo hiện trạng (DT đã thu hồi đất) (ha)	DT tăng thêm (DT thu hồi đất) (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Tổng kinh phí BT, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn vốn thực hiện	Văn bản chủ trương	Tiến độ triển khai dự án, nguyên nhân chậm tiến độ (nếu có)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4) = (5) - (6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		(11)
I	Huyện Bến Lức		55,60		55,60		607,00				
1	Đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư	Khu dân cư ấp 2 Mỹ Yên	31,70		31,70	xã Mỹ Yên	387	Doanh nghiệp		Chưa triển khai	
2	Sở Giao thông vận tải	Nâng cấp, cải tạo ĐT.830C	23,90		23,90	xã Thanh Phú; xã Tân Bửu; xã Mỹ Yên; thị trấn Bến Lức	220	Ngân sách tỉnh	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 2689/QĐ-UBND ngày 05/4/2023 của UBND tỉnh	Chưa triển khai	
II	Huyện Cần Đước		0,005		0,005		0,29				
3	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Cần Đước	Mở rộng QL 50 (bồi thường cho hộ ông Nguyễn Trung Lập)	0,005		0,005	xã Tân Lâm	0,29	Ngân sách huyện	Quyết định số 4622/QĐ-UBND ngày 17/4/2024 của UBND huyện Cần Đước	Chưa triển khai	
III	Huyện Cần Giuộc		1,10		1,10		18,10				
4	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Cần Giuộc	Mở rộng Trường THCS và THPT Nguyễn Thị Một	1,10		1,10	xã Phước Lại	18,10	Ngân sách huyện	Quyết định số 5497/QĐ-UBND ngày 31/10/2023 của UBND huyện Cần Giuộc	Chưa triển khai	
IV	Huyện Đức Hòa		45,653	8,747	36,906		473,97				
5	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đức Hòa	Đường Óc Eo	0,101		0,101	xã Đức Hòa Hạ	1,35	Ngân sách huyện	Quyết định số 15712/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 của UBND huyện Đức Hòa	Chưa triển khai	
6	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đức Hòa	Đường liên xã Lộc Giang - An Ninh Đông	6,240	6,152	0,088	xã Lộc Giang; xã An Ninh Đông	2,45	Ngân sách huyện	Quyết định số 5880/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của UBND huyện Đức Hòa	Chưa triển khai	
7	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đức Hòa	Đường vào Trường THPT Hậu Nghĩa (ĐT 825 đến đường 3/2 nối dài)	0,201		0,201	Thị trấn Hậu Nghĩa	2,35	Ngân sách huyện	Quyết định số 6525/QĐ-UBND ngày 05/5/2023 của UBND huyện Đức Hòa; Quyết định số 17215/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của UBND huyện Đức Hòa	Chưa triển khai	
8	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đức Hòa	Đường Đức Hòa Đông - kênh 6 - cống Bà Bông	2,640	2,595	0,045	xã Đức Hòa Đông	1,80	Ngân sách huyện	Quyết định số 14288/QĐ-UBND ngày 14/6/2022 của UBND huyện Đức Hòa	Chưa triển khai	
9	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đức Hòa	Đường số 2 (ĐT 825 - đường Bình Lợi)	0,089		0,089	xã Hòa Khánh Đông	2,00	Ngân sách huyện	Quyết định số 14904/QĐ-UBND ngày 21/11/2022 của UBND huyện Đức Hòa	Chưa triển khai	
10	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đức Hòa	GPMB Đường Nguyễn Thị Hạnh	0,043		0,043	thị trấn Hậu Nghĩa	4,54	Ngân sách huyện	Quyết định số 4758/QĐ-UBND ngày 04/4/2024 của UBND huyện Đức Hòa	Chưa triển khai	
11	Đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư	Khu nhà ở công nhân	9,50		9,50	xã Lộc Giang	140,00	Doanh nghiệp		Chưa triển khai	
12	Đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư	Khu nhà ở xã hội	12,00		12,00	xã Lộc Giang	153,00	Doanh nghiệp		Chưa triển khai	
13	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đức Hòa	GPMB đường Nguyễn Trọng Thế (đường Trương Thị Giao đến ĐT.823)	0,012		0,012	thị trấn Hậu Nghĩa	2,48	Ngân sách huyện	Quyết định số 5694/QĐ-UBND ngày 28/6/2018 của UBND huyện Đức Hòa; Quyết định số 18787/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện Đức Hòa	Mở rộng nút giao, triển khai chậm do chưa có sự đồng thuận của hộ dân trong công tác lập phương án bồi thường	Đã được thông qua tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 30/5/2023 của HĐND tỉnh. Cập nhật tên dự án theo chủ trương tại Quyết định số 18787/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện Đức Hòa và cập nhật diện tích đo đạc thực tế

STT	Tên chủ đầu tư	Dự án cần thu hồi đất	Diện tích quy hoạch (ha)	DT theo hiện trạng (DT đã thu hồi đất) (ha)	DT tăng thêm (DT thu hồi đất) (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Tổng kinh phí BT, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn vốn thực hiện	Văn bản chủ trương	Tiến độ triển khai dự án, nguyên nhân chậm tiến độ (nếu có)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		(11)
14	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đức Hòa	GPMB Trường THCS Võ Văn Tần	2,50		2,50	thị trấn Đức Hòa	25,00	Ngân sách huyện	Nghị quyết số 115/NQ-HĐND ngày 28/06/2024 của HĐND huyện Đức Hòa	Chưa triển khai	
15	UBND huyện Đức Hòa	Đường vào Khu công nghiệp Lộc Giang	12,326		12,326	xã Lộc Giang; xã An Ninh Đông; xã Tân Mỹ	139,00	Ngân sách huyện	Nghị quyết số 116/NQ-HĐND ngày 28/06/2024 của HĐND huyện Đức Hòa	Chưa triển khai	
V	Thị xã Kiến Tường		1,21		1,20		9,50				
16	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thị xã Kiến Tường	Cầu Bình Hiệp	0,17		0,17	xã Bình Hiệp	2,50	Ngân sách thị xã	Quyết định số 3114/QĐ-UBND ngày 06/11/2023 của UBND thị xã Kiến Tường; Quyết định số 3414/QĐ-UBND ngày 28/11/2023 của UBND thị xã Kiến Tường	Chưa triển khai	
17	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thị xã Kiến Tường	Kè chống sạt lở thị xã Kiến Tường	1,03		1,03	Phường 2	7,00	Ngân sách thị xã	Văn bản số 10143/UBND-KTTC ngày 30/10/2023 của UBND tỉnh	Chưa triển khai	
VI	Huyện Vĩnh Hưng		0,04		0,04		0,12				
18	UBND huyện Vĩnh Hưng	Trạm cấp nước áp Tà Nu	0,04		0,04	xã Hưng Điền A	0,12	Ngân sách huyện	Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/10/2019 của HĐND tỉnh	Đã thực hiện xong công tác kiểm kê, đơn vị tư vấn đang thực hiện lập chứng thư thẩm định giá	Đã được thông qua tại Nghị quyết số 149/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh
Tổng			103,604	8,747	94,851		1.108,98				



Phụ lục 2

ĐIỀU CHỈNH PHỤ LỤC DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT NĂM 2024
KÈM THEO NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 51 /NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Điều chỉnh Phụ lục 1 Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh

STT	Tên cá nhân, tổ chức đầu tư	Tên dự án	Vị trí thực hiện dự án	Thông tin trước điều chỉnh		Thông tin sau điều chỉnh			Ghi chú
				Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Văn bản chủ trương đầu tư	
V	Huyện Đức Hòa								
87	Công ty Cổ phần phát triển đô thị Sài Gòn - Tây Bắc	Đầu tư hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ Khu công nghiệp Lộc Giang	xã Lộc Giang	31,00	31,00	9,50	9,50	Quyết định số 10494/QĐ-UBND ngày 08/11/2022 của UBND tỉnh; Quyết định số 6622/QĐ- UBND ngày 24/7/2023 của UBND tỉnh; Quyết định số 5738/QĐ-UBND ngày 12/6/2024 của UBND tỉnh	Cập nhật thông tin diện tích dự án theo Quyết định số 5738/QĐ- UBND ngày 12/6/2024 của UBND tỉnh

STT	Thông tin trước điều chỉnh			Thông tin sau điều chỉnh					Ghi chú
	Tên chủ đầu tư	Tên dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Văn bản chủ trương đầu tư	Tên chủ đầu tư	Tên dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Văn bản chủ trương đầu tư	
V	Huyện Đức Hòa								
90	Ban Quản lý dự án truyền tải điện	Đường dây 500kV đầu nối rẽ mạch 2 đường dây 500kV Cầu Bông - Phú Lâm thuộc dự án "lắp MBA thứ 2, MBA 220kV trạm biến áp 500kV Đức Hòa"	xã Hòa Khánh Đông, xã Đức Hòa Đông	Văn bản số 2406/UBND-KTTC ngày 23/3/2021 của UBND tỉnh	Ban Quản lý dự án truyền tải điện	Lắp máy biến áp 500kV thứ 2 và máy biến áp 220kV trạm biến áp 500kV Đức Hòa và đầu nối	xã Hòa Khánh Đông, xã Đức Hòa Đông	Văn bản số 2406/UBND-KTTC ngày 23/3/2021 của UBND tỉnh; Văn bản số 4378/UBND-KTTC ngày 07/5/2024 của UBND tỉnh	Cập nhật thông tin tên dự án theo chủ trương của UBND tỉnh tại Văn bản số 4378/UBND-KTTC ngày 07/5/2024 của UBND tỉnh
91	Ban Quản lý dự án truyền tải Điện	Trạm biến áp 220kV Đức Hòa 2 và hướng tuyến đường dây đầu nối (áp Rừng Sến)	xã Mỹ Hạnh Bắc, Hòa Khánh Tây, Hòa Khánh Đông, Đức Lập Hạ, Đức Lập Thượng	Văn bản số 3607/UBND-KTTC ngày 28/4/2021 của UBND tỉnh	Ban Quản lý dự án truyền tải Điện	Trạm biến áp 220kV Đức Hòa 2 và đầu nối	xã Mỹ Hạnh Bắc, Hòa Khánh Tây, Hòa Khánh Đông, Đức Lập Hạ, Đức Hòa Thượng	Văn bản số 3607/UBND-KTTC ngày 28/4/2021 của UBND tỉnh; Văn bản số 4378/UBND-KTTC ngày 07/5/2024 của UBND tỉnh	Cập nhật thông tin tên dự án, địa điểm theo chủ trương của UBND tỉnh tại Văn bản số 4378/UBND-KTTC ngày 07/5/2024 của UBND tỉnh



Phụ lục 3

TỔNG KINH PHÍ DÀNH CHO BỒI THƯỜNG GIẢI PHÒNG MẶT BẰNG TRONG NĂM 2024 TỈNH LONG AN
(Kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Cấp huyện	Tổng	Ngân sách	Vận động và xã hội hóa	Trung ương	Tỉnh	Huyện	Doanh nghiệp
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)=(6)+(7)+(8)	(5)=(9)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Huyện Bến Lức	607,00	220,00	387,00		220,00		387,00
2	Huyện Cần Đước	0,29	0,29				0,29	
3	Huyện Cần Giuộc	18,10	18,10				18,10	
4	Huyện Châu Thành							
5	Huyện Đức Hòa	473,97	180,97	293,00			180,97	293,00
6	Huyện Đức Huệ							
7	Huyện Mộc Hóa							
8	Huyện Tân Hưng							
9	Huyện Tân Thạnh							
10	Huyện Tân Trụ							
11	Huyện Thạnh Hóa							
12	Huyện Thủ Thừa							
13	Huyện Vĩnh Hưng	0,12	0,12				0,12	
14	Thành phố Tân An							
15	Thị xã Kiến Tường	9,50	9,50				9,50	
Tổng		1.108,98	428,98	680,00		220,00	208,98	680,00